

SAFETY JOGGER
INDUSTRIAL

Heavy

BESTBOOT S3

Ủn g **an toàn** **giày bảo vệ**

Giày bảo h ộ Safety Jogger BESTBOOT khả năng chư ố trơ SR, g t
mũi giày bằn g thép và bảo vệ **lót** và **cách** nhiệ t l ạnh .
Lý t ư ởn rụ g cho mỗi **đeo** giúp **và** bảo v ệ
ch ố tia l gia điệ n .

Những vật liệu cao cấp hơn	Da nguyên tấm
lót bên trong	Teddy
trong Đ	Teddy
iữa đế g	Thép
ngoài Đ	BASF PU/BASF PU
u Đứng đầ	Thép
i Loạ	S3 / SR, SC, LG, FO, CI
Phạm vi kích thước	EU 36-47 / UK 3.5-12.0 / US 4.0-13.0 JPN 22.5-31 / KOR 235-310
ng lượng thép	0.828 kg
ản hưởu chu	EN ISO 20345:2022+A1:2024 ASTM F2413:2024



BLK

CO2 16.70 kg



thép
iữa bằng thép **thép** chống g
i hoặc không thép phủ và ngăn các vậ
nhập từ đế ngoài.



Mũi giày an toàn bằng **thép**
Giá đỡ bằng **thép** chân lăn hoặc rơ
i chắc chắn



SRC
rước là một trong những tính năng quan trọng của
giày bảo hộ **SRC** vượt qua cả bài
rước SRA và SRB, chúng được kiểm
tra trên cả bề mặt **thép** và gốm.



lót ấm
Giữ cho đôi chân ấm áp và khô ráo
trong môi t



Cách điện lạnh **(CI)**
Giày bảo hộ **cách** nhiệt **(CI)** đôi
chân chúng được mặc trong môi t
a bạ



Mặt **trên** chống nước **(WRU)**
Ngăn nước thấm **không** tiếp xúc lâu
dài

SAFETY JOGGER WORKS

HEAD-TO-TOE PROTECTION

ENGINEERED IN EUROPE

www.safetyjogger.com

Công nghiệp **n:**
Hoá h oạch o , Xây dự n g, Khai thác m ỏ , Dầu khi, Ngành công n ghiệ p

ường: **Môi** t
rư ờn g môi t rạn hờn, môi bùn, Có t u yế t và băng giá, b ề mặt không bằn g phẳn g, môi ẩm ư ớt

Cac hương **dân ba#o tri:**
éo dài t Đ giày, chúng tôi khuyên bạn nên v ệ sinh giày thư ờn g xuyên và bảo v ệ chúng bằng phẳng cách xa hàn nhiệt Không trên lò s

K

	Sự **miêu** t ả	**EN ISO 20345**	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
Nhữ n g vật l iệu **Da nguyên** t ấm **cao** cấp h ơn						
	Top: khả năng thấm hơi nước	? 0.8		2.3	iờ	mg/cm/g
	Top: hi nuệ số ơ	? 15		29.4		mg/cm2
ót bên trong	**Teddy**					
	L ớp lót: thấm hơi nước	? 2		1.7	iờ	mg/cm/g
	lót: hi nuệ số ơ	? 20		23.4		mg/cm2
rong Đ	**Teddy**					
ệ m chân	Đ ch ố n g mài mòn (khô/ ư ớt) (chu kỳ)	25600/12800		25600/12800		chu kỳ
goài Đ	**BASF PU/BASF PU**					
	Ch ố i mài mòn (	? 150		50		mm
	Chư ố t trơ gót bản - Ceramic + NaLS - Trư ớt gót v ề phía t	? 0.31		0.46		ma sát
rư	Ch ố t trơ gót bản - G ố m + NaLS - Trư ớt lùi v ề phía t	? 0.36		0.45		ma sát
rư	Ch ố t SR - G ố m + Glycerin - Trư ớt gót phía t	? 0.19		0.34		ma sát
	Chư ố t SR - G ố m + Glycerin - Tư ớt trơ v ề phía t	? 0.22		0.33		ma sát
rị ch ố	Giá t tính điệ n	0.1 - 1000		52.8		megaohm
rị ESD	Giá t	0.1 - 100		N/A		megaohm
	Hấp thụ năng l ượ g chân củ	? 20		34		J
Đ ứ n g đầ	**Thép**					
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 100J)	N/A		N/A		mm
	Mũi bảo h ộ ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 10kN)	N/A		N/A		mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g va đập (kh oản g cách sau va đập 200J)	? 14		18.5		mm
	Mũi giày an toàn ch ố n g nén (kh oản g h ở sau khi nén 15kN)	? 14		23.5		mm

kích thước thép: 42

a chúng tôi, khuyến cáo thay thế nhãn hiệu Safety Jogger đã được đăng ký và không được sao chép dưới dạng nào mà không có sự cho phép bằng văn bản của chúng tôi.

hân sinh thái:

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	ơn vị u	**đo** l	Đ ờn g q
i **CO** **phát** thả					
	V ật l iệu		14.42		kg
	Bao bì		0.12		kg
ất	Sản x u		1.90		kg
	Chuyên ch ở		0.26		kg
			16.70 kg CO2/ cặp		

	Sự **miêu** t ả	ế t ả	K u	q
ệ vật l	Tiệ **tái** ch ế			
	Product		3%	
	Bao bì		99%	

Tính toán CO2:
Các giá trị được làm tròn đến hai chữ số thập phân.
Các phân tích này được thực hiện bằng các công cụ tính toán [illegible] Giầy đối.